TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2021/HS-ST
Ngày: 26/11/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN H, TỈNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành P - Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh huyện T .

Ông Lý Đạt T - Bí thư Đoàn Trường trung học phổ thông Nguyễn K .

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Bùi Phương A - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2021/HS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2021, đối với bị cáo:

Lê Hoàng H , sinh ngày 12/11/2003. Nơi cư trú: T , thị trấn O, huyện T , tỉnh A ; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn V , sinh năm 1969 và Nguyễn Thị Lệ T , sinh năm 1977; anh chị em ruột có ba người, bị cáo là người thứ nhất; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị khởi tố ngày 23/4/2021, áp dụng biên pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/4/2021 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Hoàng H : bà Phạm Thanh Ái D , sinh năm 1981 - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp Pháp lý Nhà nước A . (Có mặt).

Bị hại:

1. Anh Võ Long H , sinh năm 1971. Nơi cư trú: ấp Phú T , xã T , huyện T , tỉnh A . (Vắng mặt).

2. Anh Đặng Đức N , sinh năm 1989. Nơi cư trú: ấp T , thị trấn O, huyện T , tỉnh A . (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Lệ T , sinh năm 1977. Nơi cư trú: T , thị trấn O, huyện T , tỉnh A . (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: khoảng 16 giờ ngày 30/10/2020, Lê Hoàng H đi xe đạp một mình từ nhà ở T , thị trấn O, huyện T đến tiệm điện thoại di động "A ' của anh Võ Long H , tại ấp Phú T , xã T , huyện T phát hiện trong tiệm không có người trông coi, H đi vào lấy 01 điện thoại di động hiệu V 3 trưng trong tủ kính. Sau đó, H đem điện thoại trộm được bán cho người thanh niên không biết họ tên, địa chỉ cụ thể trong tiệm điện thoại, không xác định được hiệu tiệm, trong khu vực thị trấn O, được 800.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 16 giờ ngày 20/12/2020, H tiếp tục đến tiệm điện thoại di động của Hồ để trộm tài sản bị H phát hiện và nghi vấn H lấy trộm điện thoại V 3 của mình trước đây nên trình báo Công an xã T mời H về làm việc thì H khai nhận lấy trộm điện thoại của Hồ vào ngày 30/10/2020.

Quá trình điều tra còn xác định: khoảng 11 giờ ngày 28/9/2020, H đi xe đạp một mình từ nhà đến tiệm điện thoại di động "N " của Đặng Đức N , tại ấp T , thị trấn O, huyện T giả vờ sửa sạc dự phòng và xem điện thoại rồi bỏ đi, sau đó khoảng 30 phút H quay lại tiệm biết không có người trông coi, H đi vào lấy điện thoại di động hiệu Realme C12 trưng bày trong tủ, bỏ vào túi quần rồi ra xe về nhà.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Realme C12, màu đỏ; 01 xe đạp màu xanh; 01 áo thun thể thao ngắn tay màu cam có chữ B ; 01 áo thun thể thao ngắn tay màu xanh dương đậm có 3 sọc màu vàng hai bên vai áo; 01 quần thể thao ngắn màu trắng có 3 sọc màu xanh dương đậm hai bên; 01 túi vải màu đen có quai; 01 dép da size 40 màu nâu hiệu T .

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTS ngày 04/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T , kết luận:

- 01 điện thoại di động hiệu Realme C12, trị giá 2.824.545 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu V 3, trị giá 1.862.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 4.686.545 đồng.

Ngày 24/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã trả điện thoại di động hiệu Realme C12 cho anh Đặng Đức N .

Ngày 23/4/2021, H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thoại khởi tố điều tra.

Cáo trạng số: 53/CT-VKS-TS ngày 10/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T , tỉnh A truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A để xét

xử đối với bị cáo Lê Hoàng H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội, khẳng định hành vi của bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản", giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 98, Điều 91, Điều 100 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Hoàng H từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Về hình phạt bổ sung: bị cáo là người dưới 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Về trách nhiệm dân sự: bị hại Đặng Đức N đã nhận lại tài sản; bị hại Võ Long H đã nhận tiền bồi thường; không yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết.

- Về vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại:

+ Bà Nguyễn Thị Lệ T : 01 xe đạp màu xanh;

+ Bị cáo Lê Hoàng H : 01 áo thun thể thao ngắn tay màu cam có chữ B ; 01 áo thun thể thao ngắn tay màu xanh dương đậm có 3 sọc màu vàng hai bên vai áo; 01 quần thể thao ngắn màu trắng có 3 sọc màu xanh dương đậm hai bên; 01 túi vải màu đen có quai; 01 dép da size 40 màu nâu, hiệu T .

Bà Phạm Thanh Ái D là người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm tranh luận cho rằng: tại thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, trình độ học vấn thấp; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội, bị cáo đã bồi thường xong, bị hại không yêu cầu gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 100 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo khai nhận thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng Viện kiểm sát mô tả. Bị cáo không tranh luận về tội danh, khoản, điều luật, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo; nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại:

- Anh Võ Long H trình bày: anh Hồ đã nhận tiền bồi thường điện thoại di động bị mất, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm.

- Anh Đặng Đức N trình bày: anh mất điện thoại di động như nội dung vụ án đã nêu. Anh N đã nhận lại điện thoại di động hiệu Realme C12 và tiền bồi thường; không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Lệ T (mẹ của bị cáo H) trình bày: thường ngày thấy H sử dụng điện thoại động hiệu Realme C12, nhưng không biết H trộm mà có. Xe đạp bị Công an tạm giữ là của bà Thanh; H lấy làm phương tiện đi trộm Thanh không biết. Bà T yêu cầu nhận lại xe đạp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: tại phiên tòa vắng mặt bị hại Võ Long H và Đặng Đức N nhưng ông H, ông N đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đã có lời khai trong quá trình điều tra, căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về trách nhiệm hình sự: lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các biên bản của hoạt động tố tụng, thể hiện: khoảng 16 giờ ngày 30/10/2020, Lê Hoàng H đi xe đạp từ nhà ở T , thị trấn O, huyện T đến tiệm điện thoại di động "A " của anh Võ Long H , tại ấp Phú T , xã T , huyện T phát hiện trong tiệm không có người trông coi, H đi vào lấy 01 điện thoại di động hiệu V 3 trưng trong tủ kính. H đem điện thoại trộm được bán được 800.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Đến khoảng 16 giờ ngày 20/12/2020, H tiếp tục đến tiệm điện thoại di động của Hồ để trộm tài sản, bị Hồ phát hiện và nghi vấn H lấy trộm điện thoại V 3 của mình trước đây nên trình báo Công an xã T mời H về làm việc. Quá trình điều tra còn xác định: khoảng 11 giờ ngày 28/9/2020, H đi xe đạp một mình từ nhà đến tiệm điện thoại di động "N " của Đặng Đức N , tại ấp T , thị trấn O, huyện T lấy điện thoại di động hiệu Realme C12 trưng bày trong tủ, bỏ vào túi quần rồi ra xe về nhà.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 11/KL-HĐĐGTS ngày 04/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T , định giá giá trị tài sản như sau:

- 01 điện thoại di động hiệu hiệu Realme C12, màu đỏ; trị giá 2.824.545 đồng.
- 01 điện thoại di động hiệu V 3, màu đen; trị giá 1.862.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản trong vụ án được định giá 4.686.545 đồng (bốn triệu, sáu trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm bốn mươi lăm đồng).

Hành vi của bị cáo lợi dụng chủ sở hữu tài sản mất cảnh giác, lén lút trộm cắp tài sản là có lỗi cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, vi phạm quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét tính chất, mức độ phạm tội, thấy: bị cáo nhận thức được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản người khác đều vi phạm pháp luật và bị xử lý nghiêm minh nhưng vì ham chơi nhất thời, để đáp ứng nhu cầu cá nhân, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại để lén lút thực hiện hành vi trộm cắp. Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang cho dư luận nhân dân. Hành vi của bị cáo cần phải xử lý hình sự để cải tạo, răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, do đó có căn cứ áp dụng Điều 98, Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản chiếm đoạt đã trả lại cho chủ sở hữu và bồi thường xong. Bị hại Đặng Đức N có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đây được xem là tình tiết giảm nhẹ. Do đó, Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ nên được chấp nhận.

Xét thấy, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế, chưa có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa, bị cáo tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, có khả năng cải tạo tốt, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội bằng việc phải bắt chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của gia đình, chính quyền địa phương cũng đủ tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng, Hội đồng xét xử thấy: có căn cứ áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[7] Về trách nhiệm dân sự: bị hại anh Võ Long H và anh Đặng Đức N đã nhận lại tài sản và tiền bồi thường, không yêu cầu gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về hình phạt bổ sung: tại thời điểm phạm tôi, bị cáo dưới 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Hoàng H phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 98, Điều 91, Điều 100 Bộ luật Hình sự năm 2015.

2. Xử phạt bị cáo Lê Hoàng H 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã A, huyện T , tỉnh A nhận được bản án, quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Lê Hoàng H .

Giao bị cáo Lê Hoàng H cho Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện T , tỉnh A giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện T , tỉnh A trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Trả lại cho bị cáo Lê Hoàng H : 01 áo thun thể thao ngắn tay màu cam có chữ B ; 01 áo thun thể thao ngắn tay màu xanh dương đậm có 3 sọc màu vàng hai bên vai áo; 01 quần thể thao ngắn màu trắng có 3 sọc màu xanh dương đậm hai bên; 01 túi vải màu đen có quai; 01 dép da size 40 màu nâu, hiệu T .

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ T : 01 xe đạp màu xanh.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số: 46/QĐ-VKSTS ngày 10/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T).

4. Về án phí: căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Hoàng H chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày

kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh A ;
- VKSND tỉnh A ;
- Sở Tư pháp tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Cơ quan Điều tra CA huyện T ;
- Cơ quan THA Hình sự huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- UBND xã, thị trấn nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn H